

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BB
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2019/HNGĐ-ST

Ngày:21-6-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BTH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Trần Thị Nguyệt Bình

2.Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa:Bà Mai Thị Chiêm Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên tòa : Ông Trần Thông - Kiểm sát viên.

Ngày **21** tháng **6** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện BB, xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 61/2019/ TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 03/6/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1969(có mặt)

Địa chỉ: Thôn Thái A, xã Th, huyện BB tỉnh BTh

-Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1970(có mặt)

Địa chỉ: Thôn Thái A, xã Th, huyện Bb, tỉnh BTh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày:

1.Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc B tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn.Bà Th và ông B sống chung tại nhà cha mẹ hai bên, sau đó ra riêng sống hạnh phúc.Khi các con lớn bà quyết định cho con ăn học nhưng ông B không đồng ý, bà vẫn quyết định nên từ đó giữa bà và ông B có mâu thuẫn kéo dài, một mình bà phải gánh vác mọi chuyện trong gia đình lo nuôi con ăn học nên tình cảm ngày càng rạn nứt và không thể sống chung được nữa và quyết định xin ly hôn theo qui định pháp luật.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Ngọc B có 02 người con chung: Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 20/8/1991 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 10/7/1996. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết

*Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc B trình bày tại biên bản lấy lời khai cũng như trong quá trình tố tụng: Thừa nhận ông B và bà Th sống chung như vợ chồng gần 30 năm nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung ông và bà Th sống hạnh phúc tại nhà riêng của hai người tự tạo lập nhưng thời gian gần đây ông có bệnh tâm thần phân liệt nên trầm cảm mất ngủ nên bà Th muốn ly hôn ông, ông không đồng ý ly hôn vì ông và bà Th không có mâu thuẫn gì lớn.

Về con chung: Thống nhất giữa ông và bà Th có hai người con chung như bà Th trình bày và các con đã trưởng thành nên không yêu cầu gì.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

- Bà Lê Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Ngọc B theo qui định pháp luật

- Ông Nguyễn Ngọc B trình bày cho rằng giữa ông và bà Th không có mâu thuẫn lớn chỉ vì ông đang bệnh nên bà Th có người khác muốn ly hôn nên đồng ý ly hôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB kiểm sát việc xét xử và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 và khoản 2 Điều 196, Điều 175, Điều 196, Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự qui định tại Điều 203, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Xét thấy: Bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Ngọc B sống chung với nhau từ năm 1990 đến nay, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên đề nghị xử không công nhận bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Ngọc B là vợ chồng. Về con

chung: Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 20/8/1991 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 10/7/1996. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, xét ý kiến của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bà Th và ông B sống chung như vợ chồng từ năm 1990, không đăng ký kết hôn nhưng có con chung nên bà Lê Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Ngọc B là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Ngọc B tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1990 cho đến nay đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng cho nên ông Nguyễn Ngọc B cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn và ông đang bệnh nên bà Th không đồng ý tiếp tục chung sống như vợ chồng cùng ông Nguyễn Ngọc B mà yêu cầu Tòa án giải quyết theo qui định pháp luật và ông B chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Th đối với ông Nguyễn Ngọc B được ông B chấp nhận là hoàn toàn có căn cứ nên không công nhận bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Ngọc B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 20/8/1991 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 10/7/1996. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Do bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo qui định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Th phải chịu nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử[1]Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Ngọc B là vợ chồng.

[2]Về án phí: Bà Lê Thị Th phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016136 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BB.Bà Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BB.
- Dương sự
- UBND xã Th
- Lưu HSVA

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thảo

